

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2020/HS-ST
Ngày: 09-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Lý

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Lương Anh

Ông Dương Hải Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Phú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Dĩ Ly Đan - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại Hội trường Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố Đà Lạt, Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 187/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2020 theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 197/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Long Đ**, sinh năm: 2000 tại TPHCM;

Nơi cư trú: LQĐ, Phường T, Quận BT, TPHCM;

Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Vũ Ngọc Đ1; Con bà: Nguyễn Thị Hồng N

Tiền án - Tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam ngày 12/7/2020, hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Người bị hại:

1. Anh Phạm Hoàng Trọng N2. Sinh năm: 2000

Địa chỉ: XVNT, Phường U, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

2. Anh Nguyễn Phạm Hải V. Sinh năm: 1985

Địa chỉ: NTT, Phường I, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

3. Anh Nguyễn Hữu N3. Sinh năm: 1993

Địa chỉ: AT, huyện TA, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

4. Chị Lê Thị Hồng T. Sinh năm: 1998

Địa chỉ: khu phố R, phường MB, thành phố PRTC, tỉnh Ninh Thuận. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Võ Thanh T2. Sinh năm: 1995

Địa chỉ: KVC, khu phố Y, phường HBC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên từ ngày 11/6/2020 đến ngày 12/7/2020, Vũ Long Đ đã từ Thành phố Hồ Chí Minh lên Đà Lạt và thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản tại địa bàn thành phố Đà Lạt như sau:

Lần 1: Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 10/6/2020, Đ cùng M (chưa rõ nhân thân, lai lịch) từ thành phố Chí Minh lên thành phố Đà Lạt du lịch. Sau khi lên đến Đà Lạt, do hết tiền tiêu xài, Đ và M rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Thực hiện ý định này, khoảng 03 giờ 00 phút ngày 11/6/2020, Đ điều khiển xe máy hiệu Honda Sonic, biển số 59U2-192.55 chở M đi lòng vòng tìm khách sạn để vào trộm cắp tài sản. Khi cả hai đến khách sạn Cúc Tùng, số 14 Sương Nguyệt Ánh, Phường 9, Đà Lạt, Đ dừng xe tại lề đường phía trước khách sạn, M ở ngoài đứng đợi, còn Đ đi vào quầy lễ tân trong khách sạn lục tìm tài sản lấy trộm số tiền 6.000.000 đồng để trong hộc tủ. Sau đó, Đ ra nói với M chỉ lấy được 5.000.000 đồng và chia cho M 2.500.000 đồng, số tiền còn lại Đ đã tiêu xài hết.

Người bị hại: Anh Phạm Hoàng Trọng N2 là nhân viên trực lễ tân của khách sạn Cúc Tùng có trách nhiệm quản lý số tiền 6.000.000 đồng, sau khi chiếm đoạt, anh N2 đã nộp lại 6.000.000 đồng cho khách sạn Cúc Tùng, anh N2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 6.000.000 đồng.

Lần 2: Sau khi lấy trộm tại khách sạn Cúc Tùng, khoảng 03 giờ 30 phút ngày 11/6/2020, Đ và M tiếp tục rủ nhau tìm tài sản để trộm cắp. Khi đến khách sạn Ngọc Phát, số 10 Hồ Tùng Mậu, Phường 3, Đà Lạt thấy không có người trông coi, cả hai dừng lại, Đ đứng ngoài cảnh giới còn M vào trong khách sạn, đến vị trí quầy lễ tân lục tìm tài sản lấy trộm được một ba lô bên trong có một máy tính xách tay nhãn hiệu Acer màu đen rồi cả hai bỏ đi. Trên đường đi, Đ và M cãi nhau nên M cầm theo ba lô bên trong có máy tính xách tay trên bỏ về

trước. Từ đó đến nay, Đ chưa gặp lại M, nên không thu giữ được một ba lô bên trong có một máy tính xách tay nhãn hiệu Acer màu đen.

Người bị hại: Anh Nguyễn Phạm Hải V, bị chiếm đoạt một máy tính xách tay nhãn hiệu Acer Aspire đựng trong một ba lô màu đen viền xanh. Tại Kết luận định giá số 163/KL-ĐG ngày 29/7/2020 Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Đà Lạt kết luận: máy tính xách tay trên có giá 4.000.000 đồng, ba lô đen viền xanh không có giá trị Đ giá. Anh V yêu cầu được bồi thường số tiền 10.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 08/7/2020 Đ cùng bạn lên Đà Lạt du lịch. Do cần tiền tiêu xài nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Vào khoảng 02 giờ 00 phút ngày 09/7/2020 Đ cùng H (chưa rõ nhân thân, lai lịch) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, màu xanh biển số 59T2-19222 đi lòng vòng quanh các tuyến đường thành phố Đà Lạt để tìm kiếm tài sản trộm cắp. Khi cả hai đi đến khách sạn Hoàng Minh Châu, số 11 Bà Triệu, Phường 3, Đà Lạt, H đứng ngoài cảnh giới còn Đ đi vào khách sạn từ cửa chính, khi vào bên trong thì Đ thấy một người đang ngủ tại quầy lễ tân và có 01 điện thoại Samsung Galaxy A71, màu xanh đen đang sạc pin ở trên đầu giường. Thấy vậy, Đ lấy trộm chiếc điện thoại này bỏ vào túi rồi đi ra ngoài, Đ có nói với H là lấy trộm được điện thoại, có gì gặp chia sau rồi cả hai lên xe trở về khách sạn. Sau đó, H đã về trước, còn Đ sử dụng chiếc điện thoại này đến khi bị Cơ quan Công an bắt giữ.

Người bị hại: Anh Nguyễn Hữu N3, bị chiếm đoạt điện thoại Samsung Galaxy A71, màu xanh đen. Tại Kết luận định giá số 145/KL-ĐG ngày 16/7/2020 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đà Lạt kết luận: điện thoại trên có giá 6.000.000 đồng, anh N3 đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu gì.

Lần 4: Do cần tiền tiêu xài, vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 12/7/2020 Đ một mình điều khiển xe Honda Vario, màu xanh biển số 59T2-19222 đi tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Khi đến khách sạn Hadala – số 05 Tô Hiến Thành, Phường 3, thành phố Đà Lạt, Đ dựng xe ở phía đối diện khách sạn rồi chui qua hàng rào lên lầu 1 khách sạn, thấy cửa sổ phòng tắm của phòng 103 mở cửa nên Đ chui qua cửa sổ này vào phòng thì thấy có người đang nằm ngủ và có 01 giỏ xách nữ để trên bàn đầu giường ngủ, bên trong có 01 ví nam màu đen. Đ lấy chiếc ví này rồi tẩu thoát. Sau khi kiểm tra, Đ thấy trong ví có 16.000.000 đồng, Đ lấy tiền rồi vứt bỏ ví da. Đến chiều cùng ngày, Đ bị bắt giữ cùng số tiền trên.

Người bị hại: Chị Lê Thị Hồng T bị chiếm đoạt số tiền 16.000.000 đồng và 01 ví nam màu đen. Tại Kết luận định giá số 163/KL-ĐG ngày 29/7/2020 Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Đà Lạt kết luận: một ví đen không có giá trị Đ giá. Chị T đã nhận lại số tiền 16.000.000 đồng và không có yêu cầu bồi thường thêm

Tổng giá trị tài sản bị cáo Vũ Long Đ trộm cắp trong 4 lần là 32.0000.000 đồng.

Trong vụ án còn có hai người tên M và H cùng Đ đi trộm cắp tài sản nhưng không xác minh được nhân thân, lai lịch nên cơ quan điều tra tách ra để xác minh, điều tra, xử lý sau.

Vật chứng thu giữ được gồm:

- Thu giữ của Vũ Long Đ: số tiền 18.000.000 đồng; 01 túi đeo trước màu trắng đen; 01 điện thoại Samsung A71 màu xanh đen, số IMEI 353408110349444 (đã qua sử dụng); 01 điện thoại Iphone XS Max màu vàng đồng, số IMEI 357282092220097 (đã qua sử dụng); 01 xe máy Honda Vario 150 màu xanh đen, biển số 59T-192.22, số máy KF41E1095472, số khung 4113JK094820 (đã qua sử dụng)

- Thu giữ của anh Nguyễn Hữu N3: 01 hộp giấy hình chữ nhật cao 5cm, ngang 8cm, dài 15cm, màu trắng, có ghi chữ Samsung A71, số IMEI1: 353408110349444, IMEI2: 303409110349442; 01 giấy biên nhận hóa đơn mua điện thoại Samsung A71, số seri 353408110349444, trị giá 10.490.000 đồng.

- Thu giữ của anh Võ Thanh T2: 01 bản sao y Sổ hộ khẩu chủ hộ Nguyễn Thị Hồng N; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Vũ Long Đ.

Tại bản cáo trạng số 184/CT-VKS, ngày 27/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố bị cáo Vũ Long Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo không thắc mắc, khiếu nại bản cáo trạng, thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Phạm Nguyễn Hải V yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000 đồng, bị hại Phạm Hoàng Trọng N2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 6.000.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực

hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Đ thừa nhận do cần tiền tiêu xài nên từ ngày 10/6/2020 đến ngày 12/7/2020 đã thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản với tổng giá trị là 32.000.000 đồng. Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa, tại giai đoạn điều tra, lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Vũ Long Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt là đúng người, đúng tội.

Bị cáo là người đã thành niên, nhận thức được tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, cấm mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật, nhưng chỉ vì để có tiền tiêu xài, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của các bị hại, thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, gây bức xúc và ảnh hưởng xấu đến trật tự an xã hội. Bản thân bị cáo vừa là người rủ rờ, vừa trực tiếp thực hiện trộm cắp tài sản, do đó cần áp dụng mức hình phạt nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thật thà khai báo, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản, mỗi lần đều có giá trị trên 2.000.000 đồng nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Trong vụ án này còn có đối tượng tên M và H cùng với bị cáo thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch cụ thể của M và H nên Cơ quan điều tra đã tách ra tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý sau.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Nguyễn Hữu N3 bị chiếm đoạt 01 điện thoại Samsung A71 màu xanh đen, chị Lê Thị Hồng T bị chiếm đoạt số tiền 16.000.000 đồng, cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho anh N3, chị T. Anh N3 và chị T không yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Anh Phạm Hoàng Trọng N2 bị chiếm đoạt số tiền 6.000.000 đồng, yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Bị cáo đồng ý bồi thường cho anh N2 6.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Phạm Hải V bị chiếm đoạt 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Acer Aspire, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận thành phố Đà Lạt kết luận: máy tính xách tay trên có giá 4.000.000 đồng. Anh V yêu cầu bị cáo bồi thường 10.000.000 đồng, bị cáo chỉ đồng ý bồi thường 4.000.000 đồng. Căn cứ Kết luận định giá số 163/KL-ĐG ngày 29/7/2020 Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Đà Lạt kết luận: máy tính xách tay trên có giá 4.000.000 đồng nên buộc bị cáo bồi thường cho anh V 4.000.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 18.000.000 đồng, trong đó có 16.000.000 đồng bị cáo chiếm đoạt của chị T, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T, còn 2.000.000 đồng hiện đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001503, ngày 28/10/2020 là của bị cáo nên tuyên trả lại nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 điện thoại Iphone XS Max màu vàng đồng, số IMEI 357282092220097 (đã qua sử dụng): tại phiên tòa, bị cáo và anh T2 trình bày đây là tài sản của anh T2, đề nghị trả lại điện thoại cho anh T2. Xét, tại giai đoạn điều tra, anh T2 không thừa nhận có điện thoại Iphone XS Max, bị cáo Đ thừa nhận điện thoại Iphone XS Max là của mình và khẳng định trong giai đoạn điều tra, truy tố không bị ép cung, nhục hình.

Tại phiên tòa, anh T2 và bị cáo Đ khẳng định điện thoại Iphone XS Max màu vàng đồng, số IMEI 357282092220097 là của anh T2, nhưng đều thừa nhận khi anh T2 đưa điện thoại cho bị cáo Đ thì cả hai thỏa thuận hàng tháng bị cáo Đ sẽ trả cho anh T2 từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Như vậy có đủ căn cứ kết luận chiếc điện thoại trên là của bị cáo Đ nên Hội đồng xét xử tuyên trả lại nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 01 túi đeo trước màu trắng đen; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Vũ Long Đ đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/10/2020. Xét đây là tài sản, giấy tờ hợp pháp của bị cáo nên tuyên trả lại.

- 01 giấy biên nhận hóa đơn mua điện thoại Samsung A71, số seri 353408110349444, trị giá 10.490.000 đồng; 01 bản sao y Sổ hộ khẩu chủ hộ Nguyễn Thị Hồng N là tài liệu, chứng cứ nên lưu hồ sơ.

- 01 điện thoại Samsung A71 màu xanh đen, số IMEI 353408110349444 (đã qua sử dụng), 01 hộp giấy hình chữ nhật cao 5cm, ngang 8cm, dài 15cm, màu trắng, có ghi chữ Samsung A71, số IMEI1: 353408110349444, IMEI2: 303409110349442 đã trả lại cho anh Nguyễn Hữu N3.

- 01 xe máy Honda Vario 150 màu xanh đen, biển số 59T-192.22, số máy KF41E1095472, số khung 4113JK094820 (đã qua sử dụng) là của anh Võ Thanh T2, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Võ Thanh T2.

Về án phí: bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: bị cáo Vũ Long Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Vũ Long Đ 24 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/7/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Vũ Long Đ bồi thường cho anh Phạm Hoàng Trọng N2 số tiền: 6.000.000 đồng, bồi thường cho anh Nguyễn Phạm Hải V số tiền: 4.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thanh toán hết số tiền trên thì còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết Đ được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo Vũ Long Đ: số tiền 2.000.000 đồng đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001503, ngày 28/10/2020 và 01 điện thoại Iphone XS Max màu vàng đồng, số IMEI 357282092220097 (đã qua sử dụng) đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/10/2020, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Vũ Long Đ: 01 túi đeo trước màu trắng đen; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Vũ Long Đ đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/10/2020.

Lưu hồ sơ: 01 giấy biên nhận hóa đơn mua điện thoại Samsung A71, số seri 353408110349444, trị giá 10.490.000 đồng; 01 bản sao y Sổ hộ khẩu chủ hộ Nguyễn Thị Hồng N.

Về án phí: buộc bị cáo Vũ Long Đ phải chịu 200.000 án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết. Người liên quan chỉ được kháng cáo phần có liên quan.

Nơi nhận:

- VKSND, TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp.Đà Lạt;
- CQ CSĐT Công an Tp.Đà Lạt;
- CQ THAHS Công an Tp.Đà Lạt;
- Chi cục THADS Tp.Đà Lạt;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Lý